TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đông.

2. Ông Nguyễn Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2025/QĐST–DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: Số D, đường C (Đ), tổ C, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn:

+ Công ty cổ phần Đ1; địa chỉ: Thửa đất số 2081, tờ bản đồ số 57, tổ D, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Mạnh C, sinh năm 1975 - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Địa chỉ: Số E, khu dân cư H, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Ngô Hồ Quốc P, sinh năm 1976; thường trú: Số B Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Ông Vũ Mạnh C, sinh năm: 1975; địa chỉ: Khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Chỗ ở hiện tại: Số E, khu dân cư H, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2025, Đơn trình bày ý kiến ngày 22/8/2025 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lưu Văn Đ trình bày:*

Ngày 27/8/2020 ông Đ có ký hợp đồng góp vốn với Công ty Cổ phần Đ1, cùng ông Ngô Hồ Quốc P và ông Vũ Mạnh C, để cùng đầu tư vào dự án "Nhà mẫu Full House & Thiết bị thông minh", ông Đ đã góp tổng số tiền 500.000.000 đồng theo đúng nội dung thỏa thuận tại hợp đồng.

Trước khi ký hợp đồng ông C nói và nhắn tin cho ông Đ có đất rồi. Qua xác minh ông P, ông C không có đất, sau khi nhận tiền góp vốn của ông Đ, ông P và ông C đã dùng số tiền đó mua thửa đất 906. Ông P, ông C biết trước không đủ tiền mua đất và xây nhà, biết không có tiền để xây nhà mẫu, ông C gặp ông Đ nói ông Đ chuyển tiền góp xây nhà mẫu chung vào mua thửa đất 906, với giá 3.3 tỷ, ông Đ không đồng ý và yêu cầu ông P, ông C thực hiện theo thỏa thuận như hợp đồng, không xây nhà mẫu thì trả tiền cho ông Đ. Sau này ông Đ mới biết thửa đất 906 mua với giá 2.8 tỷ, tiền góp vốn xây nhà mẫu của ông Đ bị ông P, ông C dùng vào mua thửa đất 906 tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, TP Hồ chí Minh) đứng tên cá nhân ông P, xong ông P đã bán chính miếng đất dùng để xây nhà mẫu chi tiêu vào việc cá nhân của ông P và ông C. Thời hiệu của hết hợp đồng vào ngày 31/12/2020 ông P, ông C phải trả cho ông Đ cả phần góp vốn và lãi theo thỏa thuận, mặc dù có xây dựng xong hoặc bán được nhà mẫu hay không, cũng phải trả lại vốn và lãi cho ông Đ, nhưng ông P, ông C không trả, sau khi bán đất (thửa đất 906) là có tiền nhưng ông P, ông C không trả cho ông Đ, khi ông Đ đòi, ông C né tránh, hứa, hẹn trả nhiều lần nhưng không trả, vẽ ra nhiều thủ đoạn như mua lại thửa đất 906 bán trả cho ông Đ, ngăn chặn không cho ông P bán. Cuối cùng vẫn không trả, cắt liên lạc với ông Đ. Ông P vẽ ra nhiều kịch bản, kiếm người hợp tác làm tiếp, nói ông Đ tiếp tục cùng đồng hành và sẽ chia lợi nhuận cao hơn 20% năm, ông Đ không đồng ý và muốn làm tới đâu dứt điểm tới đó, trả cho ông Đ số tiền vốn và lãi ông Đ đã góp, khi không đáp ứng được yêu cầu của ông P đề ra, ông P lập tức thách thức 10 năm sau trả, không chấp nhận thì đi kiện, ông Đ khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh), ngày 22/5/2023 Tòa mời ông Đ gặp ông P tại Tòa, tại phòng Thẩm phán L, ông P nói công ty và ông P hết khả năng trả nợ và công ty không còn tài sản để trả nợ, ông P bán thửa đất 906 với giá 2.9 tỷ, sau khi tiêu xài cá nhân ông P nhắn tin cho ông Đ còn 264.000.000 đồng về trả cho ông Đ nhưng cũng không trả, kết cục cũng cắt hết liên lạc (ông P, ông C cắt liên lạc với ông Đ từ cuối năm 2022) từ đó ông P, ông C cũng không gặp ông Đ, ông Đ đến nhà ông P, ông C tìm cũng không gặp.

Nay ông Đ yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng góp vốn giữa ông Đ và Công ty Cổ phần Đ1 là vô hiệu do bị lừa dối.

Buộc các bên, Công ty Cổ phần Đ1 cùng Ngô Hồ quốc P và ông Vũ Mạnh C liên đới trả cho ông Đ số tiền đã góp vốn và lãi phát sinh là 10%.

Quá trình giải quyết bị đơn ông Ngô Hồ Quốc P trình bày:

Ông P với tư cách là người đại diện cho Công ty CP Đ1 và ông Vũ Mạnh C có ký hợp đồng góp vốn với ông Lưu Văn Đ ngày 27/8/2020, nội dung góp vốn là đầu tư xây dựng nhà mẫu Full H và thiết bị thông minh – không bao gồm bất động sản của công ty, trong đó thoả thuận là ông Đ góp 500.000.000 đồng. Thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020.

Sau khi ký hợp đồng xong thì ông Đ đã chuyển khoản cho công ty. Ông P đại diện Công ty dùng số tiền 500.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng thửa đất, diện tích bao nhiêu ông P không nhớ, vị trí đất ở P, tiến 500.000.000 đồng đã chuyển cho chủ đất, chủ đất tên gì ông P không nhớ, giờ ông P không có giấy tờ để cung cấp cho Toà án.

Khi ông P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì vay tiền ngân hàng và không đủ tiền trả tiền mua đất nên ông P và ông C quyết định mượn tạm số tiền của 500.000.000 đồng của ông Đ để trả cho chủ đất. Ông và ông C không có báo cho ông Đ biết. Ông P là người đứng tên vay và thế chấp thửa đất cho ngân hàng, ông C có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng mà ông C không trả tiền cho ngân hàng nên ông P đi vay ở bên ngoài để trả tiền cho ngân hàng. Khi số đất còn nằm trong ngân hàng và ông P không có khả năng trả tiền vay thay cho ông C cho ngân hàng nữa thì ông P đề nghị ngân hàng T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác để lấy tiền trả tiền ngân hàng và vay bên ngoài. Ông P không còn giấy tờ gì để nộp cho Toà án. Đất đã chuyển nhượng cho người khác nên không xây căn nhà mẫu như trong hợp đồng góp vốn.

Phần hoàn trả tiền và lãi cho ông Đ sẽ được công ty (cả hai gồm ông P và ông C) thực hiện theo đúng trách nhiệm và năng lực tài chính của mỗi bên. Tuy nhiên công ty đã không hoạt động một thời gian dài và không có tài chính chi trả nên sẽ xin trả thành nợ cá nhân, cụ thể:

Chốt công nợ đến thời điểm cuối cùng đến tháng 09/2025.

Phần lãi xuất sẽ xin điều chỉnh mới bằng lãi xuất vay ngân hàng theo từng thời điểm niêm yết lãi xuất tại ngân hàng.

Phần chốt riêng công nợ của ông P (50% công nợ của ông Đ) sẽ thống nhất theo hợp đồng thoả thuận riêng với ông Đ, riêng thời gian hoàn trả của ông P xin được đề xuất ý kiến như sau:

Thời gian trả hết số nợ gốc của ông Đ là 05 năm với tổng số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), tính từ ngày 01/01/2026, mỗi năm hoàn trả 100 triệu đồng. Ông P và ông C cùng thực hiện việc hoàn trả này.

Phần lãi xuất xin phép được điều chỉnh bằng lãi xuất ngân hàng tính từ thời điểm thực hiện việc hoàn trả tiền gốc từ ngày 01/01/2026.

Lý do ông P đề xuất phần tiền và lãi hoàn trả cho ông Đ cũng như thời gian trả là vì bản thân ông P phải thật sự khoẻ và có khả năng đi làm để có tiền chi trả nợ (hiện tại ông P không có nhà ở, không có xe đi lại, không có tài sản và cũng không có dủ khả năng đi làm vì tình trạng sức khoẻ vẫn chưa ổn định và bản thân ông P đến giờ vẫn chưa thực hiện được việc phụ tiền trợ cấp nuôi 02 con từ khi ông P có quyết định ly hôn với bà Phùng Thủy T đến nay).

Quá trình giải quyết bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 và ông Vũ Mạnh C: Tòa án ban hành và tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, các văn bản tố tụng khác nhưng Công ty Cổ phần Đ1 và ông C không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng hợp tác giữa ông Đ và Công ty Cổ phần Đ1 vô hiệu, buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 cùng ông Ngô Hồ quốc P và ông Vũ Mạnh C có địa chỉ là: Thửa đất số 2081, tờ bản đồ số 57, tổ D, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); Số B Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Số E, khu dân cư H, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, liên đới trả cho ông Đ số tiền đã góp vốn và lãi phát sinh 10%. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng hợp tác theo Điều 504 Bộ luật Dân sự.

Ông Đ yêu cầu nếu có căn cứ thì yêu cầu chuyển hồ sơ sang Cơ quan cảnh sát điều tra. Xét thấy, theo Quyết định số 62 ngày 16/6/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố vụ án hình sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt, thông báo hợp lệ cho bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 và ông Vũ Mạnh C. Tuy nhiên, bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 và ông Vũ Mạnh C không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản ý kiến trước yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Ngô Hồ Quốc P có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Đ cho rằng ông có góp vốn hợp tác làm ăn xây căn hộ thông minh với bị đơn Công ty Cổ phần Đ1, ông Ngô Hồ Quốc P và ông Vũ Mạnh C. Sau khi giao cho Công ty số tiền 500.000.000 đồng, ông có liên hệ với ông P và ông C để hỏi về việc đầu tư và yêu cầu hoàn trả lại số tiền góp vốn trên nhưng không liên hệ được, nay ông Đ yêu cầu Công ty phần Đầu tư NIG, ông Ngô Hồ Quốc P và ông Vũ Mạnh C liên đới trả ông số tiền góp vốn và tiền lãi.

Xét thấy, hợp đồng góp vốn Công ty Cổ phần Đ1 ngày 27/8/2020, ông Ngô Hồ Quốc P, Vũ Mạnh C, ông Lưu Văn Đ đã ký kết cùng nhau góp vốn để làm "Nhà mẫu Full House & Thiết bị thông minh", ông Đ đã góp tổng số tiền 500.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Đ1 theo đúng nội dung thỏa thuận tại hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền ông P và ông C đã dùng số tiền trên sai mục đích là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng mà không được sự đồng ý của ông Đ. Nay dự án nhà mẫu không thực hiện được, ông C, ông P đã sử dụng số tiền 500.000.000 đồng sai mục đích nên có nghĩa vụ phải liên đới với công ty trả lại cho ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt, đăng báo các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng công ty và ông C không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông P cho rằng ông chỉ trả 50% số tiền 500.000.000 đồng, còn 50% ông C phải trả cho ông Đ là không phù hợp. Vì ông P không chứng minh được trách nhiệm giữa ông và ông C mỗi người 50%. Do đó, bị đơn ông C, ông P và Công ty phải liên đới trả cho nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định nguyên đơn ông Đ có chuyển khoản cho Công ty Cổ phần Đ1 số tiền 500.000.000 đồng. Do bị đơn không dùng tiền để đầu tư mà dùng vào mục đích khác nên ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Đ1, ông P và ông C liên đới trả số tiền 500.000.000 đồng trên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần Đ1, ông P và ông C liên đới hoàn trả cho nguyên đơn ông Đ tổng số tiền 500.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Bị đơn đã sử dụng số tiền 500.000.000 đồng sai mục đích, không làm nhà mẫu nên có nghĩa vụ phải trả lãi cho ông Đ. Ông Đ yêu cầu tính lãi từ ngày 27/8/2020 đến khi xét xử sơ thẩm 29/9/2025 với mức lãi suất 10% năm là 253.288.000 đồng

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[4]. Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần Đ1, ông P và ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 504, 506 và Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 177, 227, 228, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn Đ đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ1, ông Ngô Hồ Quốc P và ông Vũ Mạnh C về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác".

Tuyên hợp đồng góp vốn giữa ông Lưu Văn Đ và Công ty Cổ phần Đ1 vô hiệu.

Buộc Công ty Cổ phần Đ1, ông Ngô Hồ Quốc P và ông Vũ Mạnh C liên đới hoàn trả cho ông Lưu Văn Đ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và số tiền lãi là 253.288.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 753.288.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đ1, ông Ngô Hồ Quốc P và ông Vũ Mạnh C phải liên đới chịu số tiền án phí là 34.431.520 đồng.

- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) hoàn trả cho ông Lưu Văn Đ số tiền là 20.265.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/24 số 0001940 ngày 09/05/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm